

# MARKET LENS

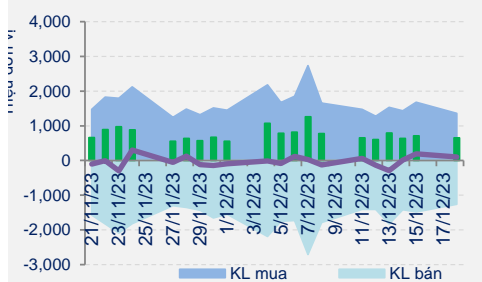
18/12/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

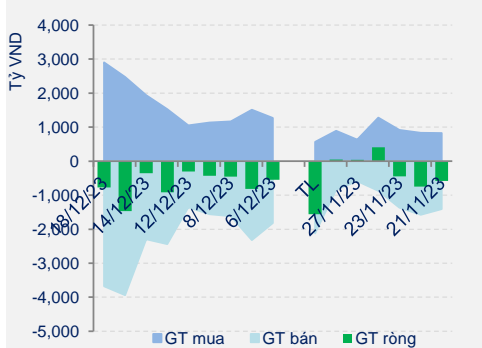
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,091.88	225.73
% Thay đổi	↓ -0.95%	↓ -0.57%
KLGD (CP)	654,836,655	77,812,732
GTGD (tỷ đồng)	14,696.74	1,265.35
Tổng cung (CP)	1,257,787,324	113,629,600
Tổng cầu (CP)	1,361,150,259	101,006,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	127,476,143	1,842,745
KL mua (CP)	97,341,075	1,962,000
GT mua (tỷ đồng)	2,905.20	91.48
GT bán (tỷ đồng)	3,676.55	75.89
GT ròng (tỷ đồng)	(771.35)	15.59

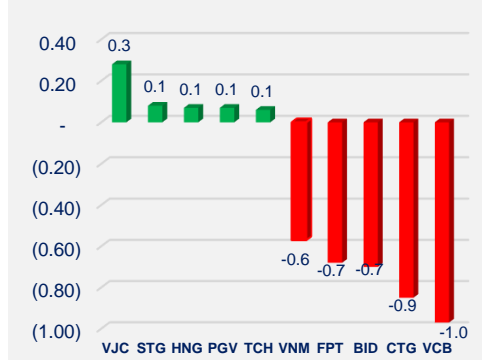
### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giao dịch kém tích cực, VN-INDEX tiếp tục có phiên giao dịch giảm điểm tiêu cực hơn khi không giữ được vùng giá hỗ trợ tâm lý 1.100 điểm. Đầu phiên VN-INDEX giảm điểm với thanh khoản giảm thể hiện áp lực bán không mạnh, thị trường sau đó phục hồi kiểm tra lại vùng giá 1.100 điểm với thanh khoản cải thiện, tuy nhiên áp lực bán của khối ngoại lại gia tăng đột biến, dẫn đến tâm lý kém tích cực và VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh. Kết phiên VN-INDEX giảm 10,42 điểm (-0,95%) về mức 1.091,88 điểm. HNX-INDEX giảm 1,29 điểm (-0,57%) về mức 225,73 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực, áp lực bán gia tăng khi có 514 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 177 mã tăng giá (09 mã tăng trần) và 123 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 15.957,3 tỉ đồng được giao dịch, dưới mức trung bình. Thể hiện dòng tiền ngắn hạn khá yếu, tuy nhiên áp lực điều chỉnh bán cũng không quá đột biến, thị trường dần phân hóa trước áp lực bán rông liên tiếp của khối ngoại khi khối này gia tăng bán rông trong phiên đầu tuần với giá trị 771,35 tỉ đồng trên HOSE, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, thép, chứng khoán; duy trì mua rông trên HNX với giá trị 15,59 tỷ đồng.

Để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính... Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi): Sáng 18/12/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) xem xét đề nghị bổ sung một số dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Tại phiên họp, với 100% biểu quyết tán thành, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua đề nghị bổ sung một số dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (gồm các dự án: Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi); Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật Hóa chất (sửa đổi); Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi).

Nhóm cổ phiếu ngân hàng dưới áp lực bán gia tăng đột biến của khối ngoại tiếp tục có diễn biến kém tích cực, hầu hết giảm điểm, thanh khoản trên mức trung bình như HDB (-3,16%), STB (-2,95%), CYG (-2,43%), EIB (-1,92%)... ngoài ACB (+0,22%).

Các cổ phiếu nhóm bất động sản phân hóa hơn đa số vẫn chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình với IJC (-3,20%), NDN (-3,06%), NVL (-2,96%), NTL (-2,55%)... những vẫn có khá nhiều mã có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng tốt như HHS (+6,94%), TCH (+2,79%), SJS (+2,33%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán mặc dù thanh khoản thị trường suy giảm dưới mức trung bình nhưng vẫn có diễn biến phân hóa đa số biến động nhẹ, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình như TVS (-2,67%), HCM (-1,59%), BSI (-1,33%)... ngoài VCI (-1,11%), FTS (+0,94%), BVS (+0,40%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 giảm 17,3 điểm (-1,57%), chênh lệch âm gia tăng -2,67 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 tích lũy kém tích cực hơn dưới vùng kháng cự quanh 1.095 điểm -1.100 điểm, vùng hỗ trợ gần nhất 1.080 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -2,37 điểm đến -4,47 điểm, các mức chênh lệch gia tăng, kỳ hạn VN30F2406 lớn hơn kỳ hạn VN30F2403 cho thấy các trader vẫn kém lạc quan với VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục giảm điểm trong phiên hôm nay và một lần nữa lại vi phạm ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm nhưng vẫn vận động trong nền tảng ngắn hạn. Chốt phiên thị trường giảm -10,42 điểm (-0,95%) và đóng cửa ở 1.091,88 điểm. Trong ngắn hạn nếu VN-Index sớm tăng điểm trở lại lên trên vùng 1.100 điểm thì vẫn có thể kỳ vọng vào nhịp phục hồi kỹ thuật với mục tiêu là vùng 1.150 điểm. Trong trường hợp kém tích cực hơn, chỉ số có khả năng sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh 1.080 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi kỳ vọng trong trường hợp tích cực VnIndex có thể vượt qua cản ngắn hạn 1.150 điểm để hình thành vùng tích lũy cao trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm, trong trường hợp kém khả quan hơn thì khả năng cao vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Thị trường lại đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm nhưng theo quan điểm của chúng tôi vận động hiện tại là tích lũy và có thể quay đầu hồi phục. Nhà đầu tư ngắn hạn có khả năng chịu đựng rủi ro cao có thể mua thăm dò nếu chỉ số kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.080 điểm hoặc chờ đợi Vn-Index vượt trở lại lên trên vùng 1.100 điểm. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại, chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/12/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	23.00	21-22	26-27	18	10.2	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	26.80	24.5-25.5	31-32	23	36.5	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	39.40	37-38	44-46	35	8.5	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	32.80	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	30.15	30.5-31.2	34-35	29	15.9	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.2	22.3	28-28.5	25	13.0%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.0	18.6	28-29	24	29.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.2	24.45	30-31	25.5	3.1%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.2	45.1	52-53	47	4.7%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	10.9	11.4	15-16	11	-4.4%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

### Năm sau sửa Luật Thuế giá trị gia tăng

Sáng 18/12, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất đưa dự án sửa đổi Luật Thuế Giá trị gia tăng vào chương trình xây dựng pháp luật năm 2024. Quốc hội sẽ xem xét, cho ý kiến dự án luật này tại Kỳ họp thứ 7 (giữa năm 2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (cuối năm 2024). Luật Thuế giá trị gia tăng (VAT) được thông qua ngày 3/6/2008 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XII, có hiệu lực thi hành từ năm 2009 và đã được sửa đổi, sung một số điều năm 2003 và năm 2005. Tuy nhiên, Bộ trưởng Tư pháp Lê Thành Long cho biết với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng thời gian tới, chính sách thuế VAT đã phát sinh một số hạn chế nhất định.

### Lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp tăng 20%

Trong 11 tháng qua, Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội giải quyết cho hơn 80.200 người nhận trợ cấp thất nghiệp, 730 người được hỗ trợ học nghề. Ước tính cả năm, hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp tăng khoảng 20% so với 2022. Hồ sơ gửi về trung tâm hồi giữa năm dao động 9.000-10.000 do làn sóng mất việc, giãn việc, giảm giờ làm tăng mạnh. Từ tháng 10 đến nay, lượng hồ sơ gửi về giảm còn khoảng 6.000 mỗi tháng. "Đây là tín hiệu đáng mừng, cho thấy tình trạng lao động mất việc những tháng cuối năm đã giảm nhiệt, không gay gắt như thời gian trước", bà Vũ Thị Thanh Liễu, Phó giám đốc Trung tâm, đánh giá.

### Năm 2024, ngành dệt may đặt mục tiêu xuất khẩu 44 tỷ USD

Tại hội nghị "Tổng kết Hiệp hội Dệt may Việt Nam 2023", ông Vũ Đức Giang, Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), cho rằng đến thời điểm này, ngành dệt may cơ bản có sự thành công nhất định, với kim ngạch xuất khẩu đạt 40,3 tỷ USD. Với bài học kinh nghiệm thu hái được trong năm 2023, năm 2024 ngành dệt may Việt Nam phấn đấu đạt kim ngạch xuất khẩu 44 tỷ USD, tăng 9,2% so với 2023... Theo ông Trương Văn Cẩm, Phó Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam, trong thời gian tới ngành dệt may có nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức buộc phải vượt qua.

### Goldman Sachs hạ dự báo giá dầu Brent năm 2024

Ngân hàng Goldman Sachs dự báo mức giá dầu Brent trung bình trong năm 2024 và 2025 lần lượt là 81 USD/thùng và 205 USD/thùng. Con số này thấp hơn so với trung bình 92 USD/thùng trong năm 2023. Theo Reuters, Ngân hàng Goldman Sachs đã giảm kỳ vọng vào giá dầu thô Brent năm 2024 khi hạ dự báo giá mặt hàng năng lượng này 10 USD/thùng xuống còn từ 70 đến 90 USD/thùng. Ngân hàng Goldman Sachs cho biết thêm, nguồn cung từ các nước ngoài OPEC, dẫn đầu là Mỹ, tiếp tục tăng cho thấy hoạt động khai thác của Mỹ tiếp tục thuận lợi trong năm 2024.



## TIN DOANH NGHIỆP

**HBC lên kế hoạch lãi 433 tỷ đồng trong năm 2024**

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (mã chứng khoán HBC) vừa công bố Nghị quyết HĐQT ngày 14/12/2023 quyết định kế hoạch kinh doanh năm 2024 với mục tiêu đầy tham vọng. Theo đó, HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình quyết định mục tiêu kinh doanh năm 2024 với doanh thu đạt 10.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 433 tỷ đồng. Đây là mục tiêu đầy tham vọng đặt ra trong bối cảnh Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, kế hoạch kinh doanh năm 2023 có khả năng khó đạt được.

**Traphaco (TRA) sắp chi gần 83 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 1/2023, tỷ lệ 20%**

CTCP Traphaco (mã chứng khoán TRA - sàn HOSE) thông báo ngày 17/01/2024 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng tạm ứng cổ tức đợt 1/2023. Theo đó, Công ty sẽ tạm ứng cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 20% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng). Thời gian thanh toán từ ngày 02/02/2024. Với hơn 41,45 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Traphaco sẽ phải chi xấp xỉ 83 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Trong khi đó, vào cuối tháng 12/2023, TRA sẽ nhận về khoảng 12 tỷ đồng cổ tức từ công ty con là CTCP Công nghệ cao Traphaco (mã CNC) với tỷ lệ sở hữu là 50,97%.

**TNG về đích doanh thu trước 16 ngày**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cho biết, đã hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu năm 2023, đạt 6.800 tỷ đồng, về đích trước thời hạn 16 ngày so với kế hoạch. Ban lãnh đạo TNG chỉ đạo kịp thời, linh hoạt đưa ra chiến lược, giải pháp để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn về đích trước kế hoạch 16 ngày. TNG nằm trong số ít doanh nghiệp đã vượt qua khó khăn, thách thức của ngành dệt may để hoàn thành mục tiêu doanh thu trước khi kết thúc năm 2023.

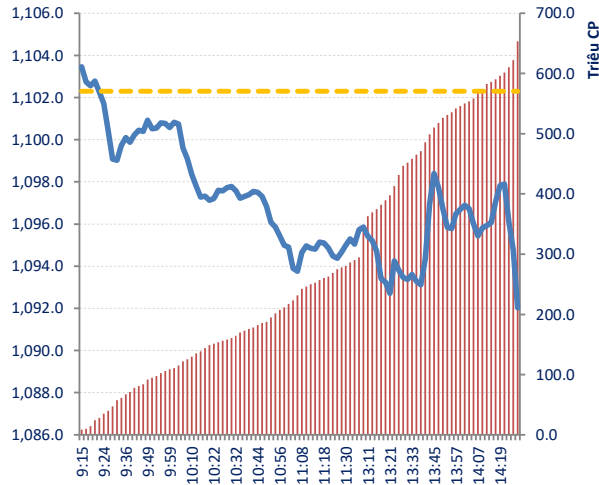
**VNSteel (TVN) bán ra thị trường 324.300 tấn thép trong tháng 11, tăng 36%**

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (VNSteel, mã chứng khoán TVN - UPCoM) mới công bố tình hình sản xuất kinh doanh tháng 11/2023. Trong tháng 11/2023, toàn hệ thống VNSteel đạt sản lượng bán hàng trên 324.300 tấn, tiêu thụ tăng 53% so với tháng trước và tăng 36% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thép xây dựng đóng góp trên 235.600 tấn, tăng 62% so với tháng 10/2023 và tăng 19% so với cùng kỳ năm 2022. Thép dẹt đạt sản lượng trên 88.600 tấn, tăng 32% so với tháng 10/2023 và tăng 114% so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 11 tháng năm 2023, tiêu thụ thép thành phẩm của VNSteel đạt trên 2,6 triệu tấn các loại; trong đó thép xây dựng đạt trên 1,9 triệu tấn, thép dẹt đạt trên 0,7 triệu tấn.

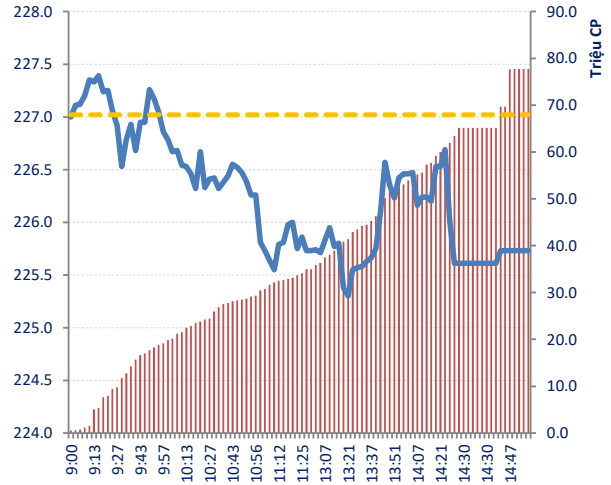


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

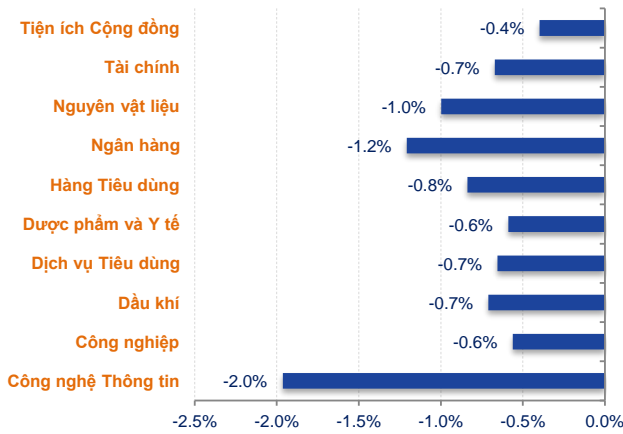
KLGD và VN-Index trong phiên



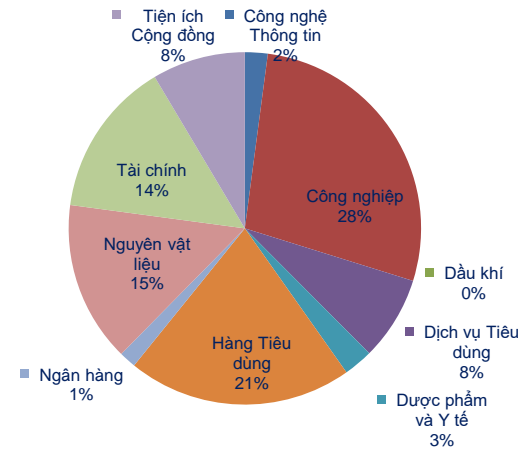
KLGD và HNX-Index trong phiên



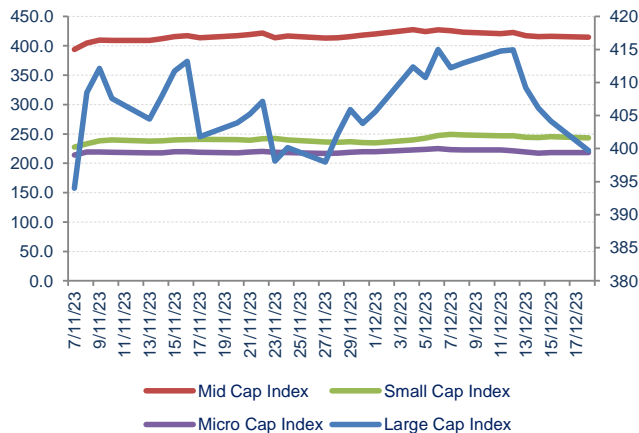
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



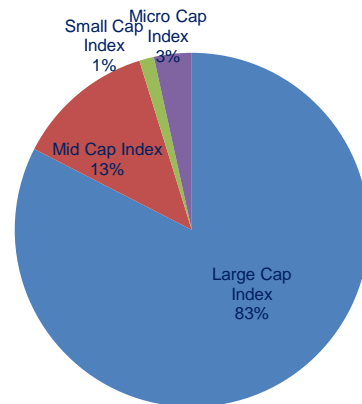
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NLG	779,000	FUEVFVND	8,425,630
2	HAG	745,400	VPB	3,013,100
3	VRE	403,100	EIB	2,575,959
4	FTS	288,200	STB	2,487,500
5	CDC	257,000	HDB	2,363,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	503,800	CEO	548,900
2	TNG	265,900	DHT	56,914
3	CTP	30,000	PVS	43,600
4	PVI	16,500	NRC	20,000
5	SHS	15,413	NDN	18,900

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HDB	19.00	18.40	↓ -3.16%	37,801,700
MBB	18.05	18.00	↓ -0.28%	29,389,800
VPB	18.70	18.40	↓ -1.60%	27,930,100
TCB	30.60	30.05	↓ -1.80%	27,007,000
HAG	13.05	13.30	↑ 1.92%	24,018,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.50	18.30	↓ -1.08%	11,270,715
HUT	19.50	19.10	↓ -2.05%	8,706,724
EVS	8.20	8.10	↓ -1.22%	8,208,528
AMV	3.80	4.10	↑ 7.89%	8,192,423
CEO	22.80	22.30	↓ -2.19%	6,782,798

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STG	46.10	49.30	3.20	↑ 6.94%
HHS	6.92	7.40	0.48	↑ 6.94%
HNG	3.62	3.87	0.25	↑ 6.91%
HAR	4.12	4.40	0.28	↑ 6.80%
DLG	2.41	2.57	0.16	↑ 6.64%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC1	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
MCO	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%
TTL	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%
LBE	19.20	21.00	1.80	↑ 9.38%
HJS	33.90	37.00	3.10	↑ 9.14%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	66.00	61.40	-4.60	↓ -6.97%
OPC	25.00	23.30	-1.70	↓ -6.80%
PGI	24.95	23.30	-1.65	↓ -6.61%
CLW	37.05	34.65	-2.40	↓ -6.48%
BFC	24.55	23.00	-1.55	↓ -6.31%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CET	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%
BED	23.10	20.80	-2.30	↓ -9.96%
PTI	48.00	43.30	-4.70	↓ -9.79%
SMT	6.20	5.60	-0.60	↓ -9.68%
MAS	28.70	26.20	-2.50	↓ -8.71%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	37,801,700	20.7%	2,926	6.5	1.3
MBB	29,389,800	22.4%	4,290	4.2	1.0
VPB	27,930,100	9.7%	1,490	12.5	1.0
TCB	27,007,000	14.2%	4,864	6.3	0.8
HAG	24,018,200	18.6%	1,070	12.2	2.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	11,270,715	5.4%	643	28.8	1.5
HUT	8,706,724	0.8%	122	160.2	1.6
EVS	8,208,528	5.9%	688	11.9	0.7
AMV	8,192,423	0.7%	90	42.0	0.3
CEO	6,782,798	6.7%	955	23.9	1.8

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	↑ 6.9%	8.3%	1,838	25.1	2.0
HHS	↑ 6.9%	6.0%	791	8.7	0.6
HNG	↑ 6.9%	-111.2%	(2,922)	-	1.4
HAR	↑ 6.8%	-1.4%	(153)	-	0.4
DLG	↑ 6.6%	-38.5%	(1,548)	-	0.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC1	↑ 9.9%	1.5%	306	26.5	0.4
MCO	↑ 9.6%	0.4%	52	100.7	0.4
TTL	↑ 9.5%	2.1%	307	24.1	0.5
LBE	↑ 9.4%	7.1%	815	23.6	1.6
HJS	↑ 9.1%	15.6%	2,355	14.4	2.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	779,000	4.8%	1,643	21.7	1.0
HAG	745,400	18.6%	1,070	12.2	2.3
VRE	403,100	11.8%	1,818	12.4	1.4
FTS	288,200	14.4%	2,301	18.5	2.5
CDC	257,000	4.0%	585	34.0	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	503,800	17.0%	3,177	15.9	3.0
TNG	265,900	13.4%	1,776	11.0	1.2
CTP	30,000	0.4%	46	96.0	0.4
PVI	16,500	0.6%	205	219.8	1.3
SHS	15,413	5.4%	643	28.8	1.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	459,423	22.6%	6,013	13.7	2.9
BID	236,568	17.6%	3,450	12.0	2.0
GAS	174,552	19.0%	5,283	14.4	2.8
VHM	173,739	25.0%	9,468	4.2	1.0
VIC	166,669	2.7%	977	44.7	1.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,924	6.7%	1,846	20.3	1.3
HUT	17,404	0.8%	122	160.2	1.6
IDC	16,665	17.0%	3,177	15.9	3.0
SHS	15,043	5.4%	643	28.8	1.5
THD	13,359	2.9%	460	75.5	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DXS	2.88	-1.9%	(269)	-	0.5
QCG	2.75	-0.2%	(32)	-	0.7
DC4	2.63	0.2%	26	325.1	0.7
VPG	2.60	-0.5%	(97)	-	0.9
BCG	2.57	-0.4%	(117)	-	0.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

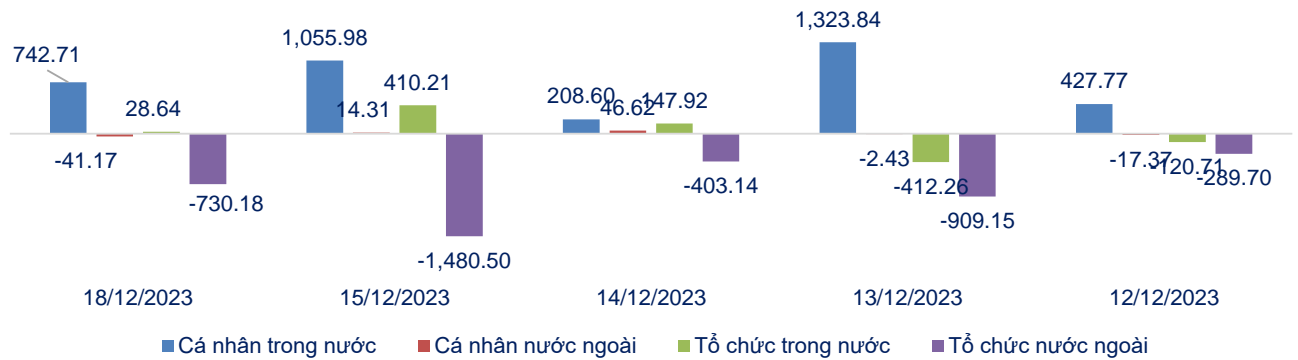
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.40	6.2%	616	23.5	1.4
L14	2.33	12.2%	1,627	27.6	3.3
HCT	2.25	-0.5%	(101)	-	0.5
TAR	2.20	2.3%	359	25.1	0.6
VC2	2.18	2.2%	290	34.1	0.7





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	158.44	17.5%	3,825	7.1	1.2
VPB	113.85	9.7%	1,490	12.5	1.0
VNM	81.92	24.4%	4,029	16.9	4.2
VCB	41.28	22.6%	6,013	13.7	2.9
KBC	39.62	7.6%	1,892	16.2	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-36.12	8.3%	1,013	18.0	1.5
NLG	-26.07	4.8%	1,643	21.7	1.0
ACB	-24.27	23.8%	3,839	5.9	1.3
NHH	-24.27	7.2%	1,302	14.6	1.0
FPT	-20.78	22.3%	4,815	20.0	4.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CDC	5.01	4.0%	585	34.0	1.3
VND	2.07	7.8%	957	22.8	1.7
NLG	1.82	4.8%	1,643	21.7	1.0
PC1	1.34	3.6%	814	33.6	1.2
VNM	1.08	24.4%	4,029	16.9	4.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	-21.71	22.4%	4,290	4.2	1.0
STB	-9.18	17.5%	3,825	7.1	1.2
PDR	-8.77	1.6%	199	132.1	2.1
VPB	-7.19	9.7%	1,490	12.5	1.0
VIX	-6.57	8.2%	1,005	16.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	206.20	N/A	N/A	N/A	N/A
EIB	82.26	8.3%	1,013	18.0	1.5
NHH	24.36	7.2%	1,302	14.6	1.0
ACB	24.27	23.8%	3,839	5.9	1.3
CTG	22.58	15.7%	3,377	7.9	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-92.27	17.5%	3,825	7.1	1.2
VPB	-59.01	9.7%	1,490	12.5	1.0
PET	-34.32	3.8%	733	35.7	1.3
VCB	-25.77	22.6%	6,013	13.7	2.9
E1VFN30	-24.16	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

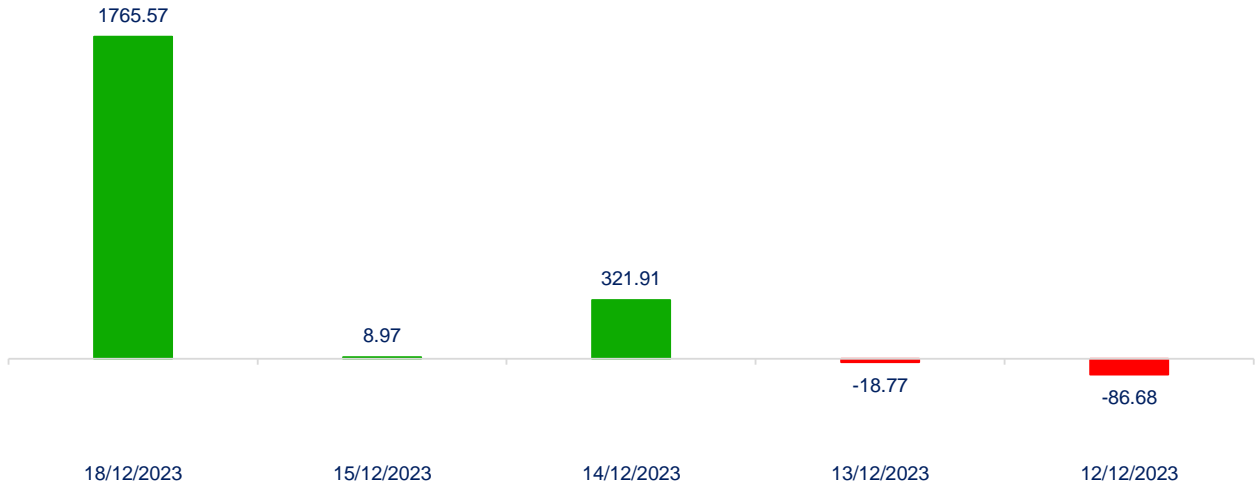
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	26.51	4.8%	1,643	21.7	1.0
MBB	21.71	22.4%	4,290	4.2	1.0
FTS	12.31	14.4%	2,301	18.5	2.5
HAG	9.62	18.6%	1,070	12.2	2.3
VRE	8.96	11.8%	1,818	12.4	1.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

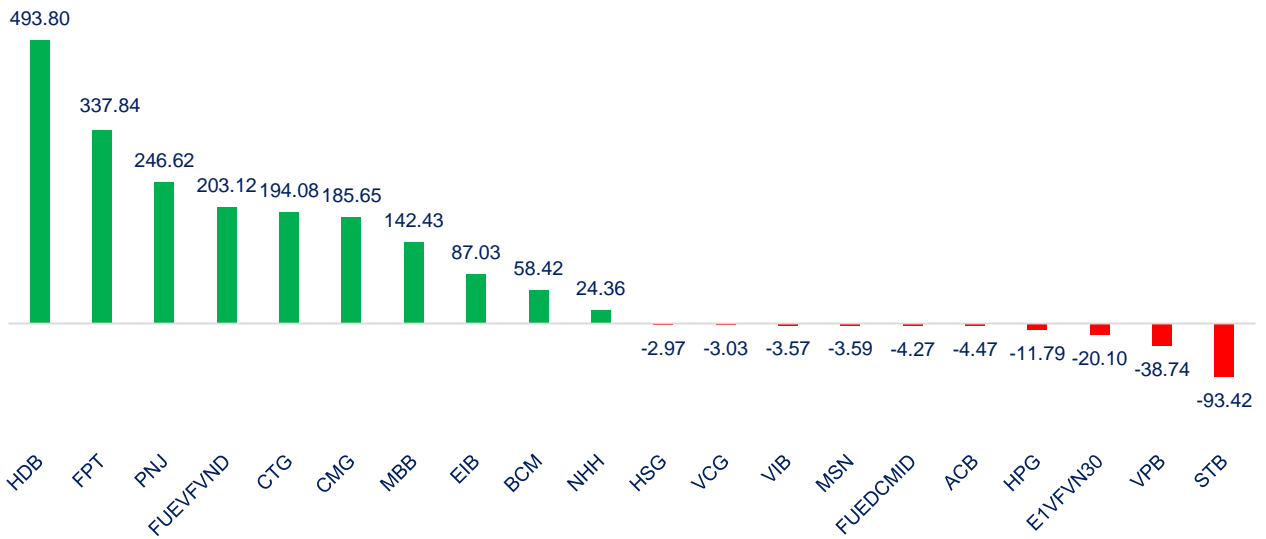
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-209.44	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-93.38	24.4%	4,029	16.9	4.2
STB	-56.99	17.5%	3,825	7.1	1.2
VPB	-47.64	9.7%	1,490	12.5	1.0
CTG	-46.68	15.7%	3,377	7.9	1.2



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)